

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2024
V/v tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Vũ Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng bảo lãnh”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 41/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-DS ngày 20/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình

Địa chỉ: Phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn C – Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang T (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đỗ Quang K, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Thanh M, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

T1 hiên bản ghi nhớ và thiết lập mối quan hệ hợp tác hữu nghị và thỏa thuận hợp tác về đưa người lao động đi làm việc thời vụ giữa Ủy ban nhân dân huyện Q với chính quyền thành phố I, tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc, ông Đỗ Thanh M là một trong số 28 lao động thuộc huyện Q được chủ sử dụng lao động Hàn Quốc lựa chọn ký hợp đồng lao động thời vụ đợt I năm 2023 và đã xuất cảnh ngày 09/6/2023. Để đảm bảo người lao động về nước đúng thời hạn theo Hợp đồng hoặc ngăn ngừa người lao động bỏ trốn trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc, ngày 06/6/2023 tại Trung tâm D, ông Đỗ Quang K là người bảo lãnh cho ông Đỗ Thanh M cùng đại diện trung tâm D là ông Lê Văn C – Giám đốc thực hiện ký vi bằng số 288/2023/VB-TPLSH trước sự chứng kiến của ông Phạm Mạnh Á, chức vụ: Thừa phát lại thuộc Văn phòng thừa phát lại Sông H.

Sau khi anh Đỗ Thanh M nhập cảnh vào Hàn Quốc và được chủ sử dụng lao động đón về nơi làm việc, đến ngày 27/9/2023 thì thành phố I, tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc thông báo về việc ông Đỗ Thanh M bỏ trốn trái phép khỏi nơi làm việc. Hiện nay không xác định được nơi cư trú của anh Đỗ Thanh M tại Hàn Quốc. Hành vi bỏ trốn của anh Đỗ Thanh M đã làm phát sinh nghĩa vụ của ông Đỗ Quang K theo nội dung phạm vi bảo lãnh được nêu tại Vi bằng số 288/2023/VB-TPLSH. Nay Trung tâm D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Quang K phải bồi thường số tiền 500.000.000 đồng cho Trung tâm Dịch vụ việc làm theo nội dung của vi bằng số 288/2023/VB-TPLSH ngày 06/6/2023

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Quang K trình bày: Ngày 06/6/2023 ông và cháu ông là anh Đỗ Thanh M đến Trung tâm D để ký kết hợp đồng cho cháu ông đi xuất khẩu lao động và ông ký hợp đồng bảo lãnh cho anh M đi xuất khẩu lao động. Ông và anh M có ký kết văn bản và vi bằng để thực hiện việc bảo lãnh và sau đó ông và anh M có chụp ảnh lại. Hiện nay ông không biết anh M đang ở đâu, ông không liên lạc được cho anh M.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh M vắng mặt và không có quan điểm gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Biên bản lấy lời khai của ông Đỗ Văn M1, sinh năm 1972, trú tại thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện: Anh M là con trai của ông M1. Thực hiện chính sách đưa người Việt Nam đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, anh M được đi theo hướng dẫn của UBND huyện Q và Trung tâm D, anh M xuất cảnh ngày 09/6/2023. Theo hợp đồng lao động đã ký kết, thời hạn là 05 tháng, trong thời hạn lao động do bị bạn bè rủ rê, lôi kéo nên anh M đã bỏ ra ngoài làm việc, không còn làm việc theo hợp đồng đã ký kết và không về nước. Hiện nay gia đình không liên lạc được với anh M. Khi làm thủ tục cho anh M đi xuất khẩu lao động thì có ông Đỗ Quang K – là anh trai của ông đã ký bảo lãnh cho anh M đi. Nếu gia đình liên lạc được với anh M thì sẽ khuyên bảo anh M về nước để thực hiện đúng hợp đồng.

* Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình cung cấp:

Anh **Đỗ Thanh M** trước khi xuất cảnh cư trú tại **thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình**; thực hiện chính sách đưa người lao động đi làm việc có thời vụ tại Hàn Quốc của **UBND huyện Q** và **UBND tỉnh T** thì anh **Đỗ Thanh M** thuộc đối tượng được đưa đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đã xuất cảnh ngày 09/6/2023. Việc anh **M** được đưa đi xuất khẩu lao động được thực hiện theo đúng hướng dẫn của **Phòng lao động thương binh xã hội huyện Q** và **Trung tâm D**. Để bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng có ông **Đỗ Quang K**, sinh năm 1956 là bác ruột của anh **M** đã ký bảo lãnh cho anh **Đỗ Thanh M** về nước theo đúng thời hạn hợp đồng. Việc thực hiện hợp đồng bảo lãnh là do **Trung tâm D** thực hiện. Đến nay địa phương xác định anh **Đỗ Thanh M** chưa trở về Việt Nam và hiện tại không có mặt tại địa phương. Đối với yêu cầu của Trung tâm dịch vụ việc làm, đề nghị Tòa án căn cứ quy định để giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi liên quan chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, không chấp hành các văn bản của Tòa án nên đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Về nội dung, có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh cho người đi du học, làm việc ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh Thái Bình theo Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-TANDTC-BLĐTBXH-VKSNDTC ngày 18 tháng 5 năm 2010 của Tòa án nhân dân tối cao, **Bộ L**, Thương binh và Xã hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Tòa án nhân dân và quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ thông báo của **thành phố I** xác định anh **Đỗ Thanh M** đã bỏ trốn trái phép ngày 27/9/2023. Vì vậy, ngày 28/11/2023 **Trung tâm D** nộp hồ sơ khởi kiện trực tiếp tại Tòa án là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 và mục 4 Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BLĐTBXH-BTP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của **Bộ L**, Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết một số vấn đề về nội dung hợp đồng

bảo lãnh và việc thanh lý hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (từ đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BLĐTBXH-BTP ngày 11/7/2007).

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông **Đỗ Quang K** - bị đơn đã đến Tòa làm việc, có ý kiến gửi về Tòa án. Ông **Đỗ Quang K** và anh **Đỗ Thanh M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, xác định bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] **Trung tâm D** là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên; là tổ chức hoạt động thuộc lĩnh vực xã hội, do **Ủy ban nhân dân tỉnh T** quyết định thành lập và **Sở L1** trực tiếp quản lý; được giao nhiệm vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Theo thỏa thuận về thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị về việc đưa người lao động đi làm việc thời vụ giữa **Ủy ban nhân dân huyện Q** với chính quyền **thành phố I, tỉnh Gyeong, Hàn Quốc**, **Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh T** giao cho **Trung tâm D** thực hiện việc tuyển chọn, đào tạo; dịch thuật, công chứng làm hồ sơ, tổ chức xuất cảnh và tổ chức phối hợp quản lý lao động trong thời gian làm việc ở Hàn Quốc, phối hợp cùng Tổ chức thừa phát lại để thực hiện việc ký vi bằng, đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động, hạn chế người lao động vi phạm hợp đồng trong thời gian lao động ở Hàn Quốc. Thực hiện các bước tuyển chọn người lao động thì anh **Đỗ Thanh M** có nộp hồ sơ đăng ký tham gia dự tuyển đi làm việc tại Hàn Quốc thông qua **Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Q** và **Trung tâm D** và được lựa chọn ký hợp đồng lao động thời vụ đợt I năm 2023. Ngày 06/6/2023, anh **Đỗ Thanh M** và **Trung tâm D** có ký hợp đồng đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc số 28/2023/TTDVVL theo đó anh **M** đi làm việc tại Hàn Quốc thời hạn 5 tháng, anh **M** và người bảo lãnh cho anh **M** là ông **Đỗ Quang K** ký vi bằng với đại diện **Trung tâm D** và đề nghị **Thừa phát lại Văn phòng Thừa phát lại S** ghi nhận nội dung thỏa thuận, giao kết giữa các bên tham gia. Cùng ngày 06/6/2023 **văn phòng S** lập vi bằng số 288/2023/VB-TPLSH, thể hiện ý chí thống nhất, cam kết thực hiện các nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận. Cụ thể: “*Trung tâm D* thỏa thuận, giao kết với bên bảo lãnh là ông **Đỗ Quang K** và bên được bảo lãnh là ông **Đỗ Thanh M** về việc: bên bảo lãnh sẽ thực hiện thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh vi phạm các thỏa thuận, cam kết với **Trung tâm D**, với đối tác nước ngoài. Về vi phạm bảo lãnh: Bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ, cụ thể là Bồi thường số tiền 500.000.000”

đồng và các khoản chi phí thực tế phát sinh như: chi phí đi lại, ăn ở của bên được bảo lãnh khi vi phạm phải về nước trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bên được bảo lãnh có một trong các hành vi vi phạm như: Tự ý bỏ nơi ở, bỏ trốn khỏi nơi làm việc do Trung tâm bố trí, sắp xếp...

Ông **K** nhất trí và trình bày: ông là người có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và đồng ý nhận bảo lãnh cho ông **Đỗ Thanh M** để thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ được bảo lãnh là Bồi thường số tiền 500.000.000 đồng và các khoản chi phí thực tế phát sinh như chi phí đi lại, ăn ở của bên được bảo lãnh khi vi phạm phải về nước nếu như ông **Đỗ Thanh M** có một trong các vi phạm đã được đại diện của Trung tâm trình bày ở trên...

Ông **Đỗ Thanh M** nói: Nhất trí với ý kiến của người bảo lãnh ông **Đỗ Quang K** và người đại diện của **Trung tâm D** đã nói. Nội dung bảo lãnh này đã được các bên trao đổi kỹ, chúng tôi đã hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người bảo lãnh, người được bảo lãnh. Tôi đồng ý với tất cả các nội dung của đại diện Trung tâm và người bảo lãnh cho tôi đã nói. Tôi cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung đã thống nhất.

Mục 2.2.1 Điều 2 Hợp đồng lao động số 28/2023/TTDVVL ký kết giữa anh **M** và đại diện Trung tâm dịch vụ việc làm quy định: “Nghĩa vụ của người lao động: người lao động và người bảo lãnh cho người lao động ký lập vi bằng với đại diện **Trung tâm D** và đề nghị Thừa phát lại – Văn phòng thừa phát lại **Sông H** ghi nhận nội dung thỏa thuận, giao kết với những người tham gia. Người lao động phải bồi thường cho bên đưa đi nếu có các hành vi vi phạm hợp đồng lao động, vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật Hàn Quốc gây thiệt hại cho bên đưa đi. Việc thực hiện nghĩa vụ bồi thường và xử lý vi phạm thực hiện theo thỏa thuận trong vi bằng số 288/2023/VB-TPLSH ngày 06/6/2023”

Tại biên bản lấy lời khai của ông **Đỗ Quang K** ngày 22/01/2024, ông **K** thừa nhận việc ông và anh **M** có tới **Trung tâm D** để ký kết hợp đồng bảo lãnh cho anh **M** đi lao động tại Hàn Quốc, ông **K** và anh **M** có ký kết văn bản và vi bằng. Thỏa thuận nêu trên giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, Hợp đồng được lập thành văn bản, ông **K** cũng xác nhận sự việc nêu trên, được lập vi bằng, phù hợp với quy định tại Điều 3 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006, Điều 55, Điều 56, Điều 58 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020 và Điều 335, 336, 340 và điều 342 Bộ luật dân sự.

[2.2] Căn cứ thông báo của **thành phố I** xác định anh **Đỗ Thanh M** đã bỏ trốn trái phép ngày 27/9/2023. Việc anh **M** bỏ trốn, không thực hiện công việc theo hợp đồng, đã vi phạm nghĩa vụ của người lao động quy định tại khoản 2.2 của hợp đồng số 28/2023/TTDVVL ngày 06/6/2023, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của **Trung tâm D**, làm phát sinh

nghĩa vụ dân sự đối với người bảo lãnh theo vi bằng số 288 đã ký kết. Ông **Đỗ Quang K** là người tự nguyện nhận bảo lãnh, đã ký tên vào vi bằng nên ông **K** phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường số tiền 500.000.000 đồng cho **Trung tâm D**. Thỏa thuận này được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức, không trái pháp luật, việc thỏa thuận người lao động bỏ trốn thì người bảo lãnh phải bồi thường số tiền 500.00.000 đồng cho Trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006: “*Bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài là việc người thứ ba (sau đây được gọi là người bảo lãnh) cam kết với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho người lao động trong trường hợp người lao động không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài*”. Ngoài ra theo Điều 56 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020 thì việc bảo lãnh cho người lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự. Theo thỏa thuận bảo lãnh được quy định trong hợp đồng lao động, lập vi bằng thì khoản tiền 500.000.000 đồng ông **K** có nghĩa vụ phải trả cho **Trung tâm D** nếu anh **M** bỏ trốn là khoản tiền phạt khi xảy ra vi phạm các bên đã có thỏa thuận mà không phải chứng minh, thực tế anh **M** cũng có cam kết nếu vi phạm cũng phải bồi thường cho bên đưa đi. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng bảo lãnh trên là giao dịch dân sự mang tính tự nguyện, thỏa thuận không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc anh **M** bỏ trốn trái phép ngày 27/9/2023 là vi phạm các điều khoản của Hợp đồng đã ký, làm phát sinh nghĩa vụ dân sự đối với người bảo lãnh. Do đó, căn cứ Điều 335, 336, 340, 342, 360, 418, 419 Bộ luật dân sự và khoản 6 Điều 3 Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006, khoản 3 Điều 56 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông **K** phải có nghĩa vụ bồi thường cho Trung tâm dịch vụ việc làm số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng và vi bằng đã ký kết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của **Trung tâm D** được chấp nhận nên ông **Đỗ Quang K** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 276, 280, 284, 292, 293, 335, 336, 342, 351, 355, 418, 419 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Trung tâm D**. Buộc ông **Đỗ Quang K** phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho **Trung tâm D** số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng theo nội dung của Vi bằng số 288/2023/VB-TPLSH ngày 06/6/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông **Đỗ Quang K** phải chịu 24.000.000 (hai mươi tư triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho **Trung tâm D** số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000060 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

3. Về quyền kháng cáo: **Trung tâm D** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/6/2024. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng, thời hạn kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Duy Luân

